

Bản án số: 52/2021/DS-ST

Ngày: 14 - 6 - 2021

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Bà Dương Triết M.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-DS ngày 05/3/2021 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXX-DS ngày 18/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-DS ngày 28/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Thiện C , sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V , huyện T , tỉnh A .

2. *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị N , sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã V , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 12/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Thiện C trình bày: ông C với bà Huỳnh Thị N là chỗ quen biết. Ngày 15/01/2020, bà Huỳnh Thị N đến Đại lý bia của ông C để mua 20 thùng bia (Tiger) và 05 thùng bia (Sài Gòn

xanh) với số tiền 7.670.000 đồng để chuẩn bị cho đám cưới của cháu bà N . Ông C có lập phiếu giao hàng ngày 15/01/2020 và đưa cho bà N ký nhận.

Ngày 16/01/2021, bà N tiếp tục mua thêm 20 thùng bia (Tiger) với số tiền 6.520.000 đồng. Do bà N mua lần trước (ngày 15/01/2020) chưa trả nên ông C làm Hóa đơn bán lẻ ngày 16/01/2020, cộng số tiền của 02 lần mua (6.520.000 đồng + 7.670.000 đồng) thành tổng số tiền 14.190.000 đồng đưa cho bà N ký. Mặc dù ông C đã nhiều lần yêu cầu bà N trả tiền nhưng bà N hứa hẹn mà không thực hiện. Do vậy, ông C có nhờ Công an xã V giải quyết nhưng các lần mời làm việc bà N đều vắng mặt. Nay ông C yêu cầu bà Huỳnh Thị N có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ là 14.190.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị N có địa chỉ tại xã V, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Huỳnh Thị N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, bà N đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N .

[3] Về nội dung: ông Lê Thiện C khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả tiền mua bia còn nợ là 14.190.000 đồng, căn cứ vào Hóa đơn bán lẻ ngày 16/01/2021 do bà N trực tiếp ký nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho bà N thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà N trực tiếp ký nhận các văn bản tố tụng nêu trên, nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của ông C đối với số nợ 14.190.000 đồng.

[5] Xét thấy, ngày 16/01/2020, bà N ký Hóa đơn bán lẻ nợ tiền mua bia của ông Lê Thiện C tổng số là 14.190.000 đồng đến nay chưa trả. Mặc dù bà N nhiều lần hứa trả nhưng không thực hiện. Như vậy, hợp đồng mua bán giữa ông Lê Thiện C với bà Huỳnh Thị N thực tế có xảy ra, được giao kết trên cơ sở tự

nguyên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Do bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông C yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền 14.190.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thiện C số tiền 14.190.000 đồng.

[6] Về lãi suất, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bị buộc phải trả số tiền nêu trên nên bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Lê Thiện C không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thiện C .

1.1. Buộc bà Huỳnh Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thiện C số tiền 14.190.000 đồng (mười bốn triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Thị N phải chịu 709.500 đồng (bảy trăm lẻ chín nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Lê Thiện C không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 354.750 đồng (ba trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm năm mươi đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008215, ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên

án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn H